

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2023/DS-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Phạm Thành Đồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 421, ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt)

2/Ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 1976; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh B trình bày:

Vào ngày 25/01/2018 (tức ngày 09/12/2017 âm lịch), bà T có cho bà T1, ông H vay số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 23/5/2018 (09/4/2018 âm lịch), bà T1 và chồng là ông H tiếp tục vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, hẹn thời gian 03 tháng sau sẽ trả hết số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà T1, ông H có viết giấy tay vay tiền và ký xác nhận vay tiền, hai bên không thỏa thuận lãi và cũng không thu lãi. Từ ngày 24/8/2018 đến nay, bà nhiều lần đến nhà bà T1 và ông H cũng như gọi điện thoại yêu cầu trả tiền nhưng bà T1 và ông H trốn tránh, vẫn cứ hẹn mà không trả. Vì vậy bà yêu cầu bà T1 và ông H liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 24/8/2018 đến ngày 24/6/2023 với lãi suất 0.83%/tháng, tổng số tháng là 58 tháng với số tiền 144.420.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 444.420.000 đồng.

Theo đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/7/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hiệp P trình bày:

Ông nhận đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, Vì bận công việc nên ông xin Tòa giải quyết vắng mặt ông.

Bị đơn bà T1 và ông H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa. Ông bà cũng không gửi ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên trong hồ sơ không có lời trình bày của bà T1 và ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông H trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà T1, ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu bà T1 và ông H liên đới trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 24/8/2018 cho đến ngày 24/6/2023. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà T cung cấp là: biên nhận giấy nợ mượn tiền bản chính, nội dung thể hiện ngày 25/01/2018 dương lịch (09/12/2017 âm lịch) bà T1 có mượn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 23/5/2018 (09/4/2018 âm lịch) bà T1 có mượn tiếp số tiền 200.000.000

đồng có chữ ký của bà T1 và ông H. Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là sau 03 tháng sẽ trả hết toàn bộ số tiền đã mượn là 300.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là “biên nhận giấy nợ mượn tiền” cho bà T1 và ông H. Theo nguyên đơn trình bày hai bên thỏa thuận thời hạn trả số tiền trên 03 tháng kể từ ngày vay tiền. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thể hiện: “bên vay tài sản là tiền thì pH trả đủ khi đến hạn”. Hội đồng xét xử xét thấy, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông H liên đới trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 24/8/2018 cho đến ngày 24/6/2023 theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Số tiền lãi tính từ ngày 24/8/2018 cho đến ngày 24/6/2023 là 58 tháng theo lãi suất 0.83%/tháng được tính như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 58 \text{ tháng} = 144.420.000 \text{ đồng}$. Bà T không yêu cầu tính lãi sau ngày 24/6/2023 cho đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy, tổng gốc và lãi bà T1 và ông H có trách nhiệm trả cho bà T là 444.420.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà T1 và ông H pH nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là $4\% \times 444.420.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng} = 21.776.8000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cụ thể tuyên:

[1] Buộc bà Trần Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 444.420.000 (bốn trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là 21.776.800 (hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm) đồng.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan